

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

24/09/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	352244	Nguyễn Thị Thương	3522	9	14	6	8	68	170	325	495	8.5
2	361154	Nguyễn Thị Tố Linh	3611	10	25	26	9	69	380	330	710	10.0
3	361725	Nguyễn Thị Tuyền	3617	6	17	11	13	43	230	170	400	
4	361065	Nguyễn Hà My	3610	5	13	11	13	38	195	140	335	
5	360765	Nguyễn Thị Nam	3607	7	11	6	6	29	130	85	215	
6	381865	Trần Trọng Hiếu	3818	6	27	22	26	70	445	335	780	10.0
7	381840	Đình Chí Hùng	3818	9	24	22	22	71	420	340	760	10.0
8	382506	Dương Mạnh Cường	3825	9	14	26	27	57	410	255	665	10.0
9	381530	Lê Thị Hồng	3815	8	7	30	18	69	330	330	660	10.0
10	381622	Nguyễn Anh Tú	3816	10	28	13	8	69	310	330	640	10.0
11	382368	Đoàn Thu Huyền	3823	9	14	18	12	70	270	335	605	10.0
12	382649	Đoàn Vũ Hoài Nam	3826	7	15	14	10	64	220	300	520	9.0
13	381853	Vũ Hà Phương	3818	9	20	20	15	43	340	170	510	9.0
14	382608	Nguyễn Thị Vân Anh	3826	8	15	16	14	55	270	240	510	9.0
15	382738	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	3827	9	22	15	13	48	310	200	510	9.0
16	380224	Ngô Thị Thu Thủy	3802	10	11	18	12	56	255	250	505	9.0
17	381518	Vũ Thị Ngọc Lê	3815	5	15	14	16	57	250	255	505	9.0
18	381941	Ngô Thùy Trang	3819	6	14	20	16	46	290	190	480	8.5
19	381850	Đoàn Việt Hà	3818	6	19	14	16	47	280	195	475	8.5
20	382519	Lưu Minh Tuấn	3825	4	11	19	12	56	220	250	470	8.0
21	381333	Mai Quang Huy	3813	6	20	11	16	46	270	190	460	8.0
22	381512	Nguyễn Thị Bích Ngọc	3815	10	20	24	5	40	310	150	460	8.0
23	382755	Lê Thu Trang	3827	10	16	14	29	29	370	85	455	8.0
24	380856	Bùi Xuân Quân	3808	7	14	12	19	46	260	190	450	8.0
25	381717	Lương Đình Thiện	3817	7	18	15	14	42	275	165	440	
26	380228	Lê Thị Lan	3802	6	13	9	10	54	175	235	410	
27	381424	Bùi Hoàng Hồng Hạnh	3814	7	18	14	7	45	220	180	400	
28	381808	Bùi Thị Chi	3818	5	13	14	12	46	210	190	400	
29	382330	Mai Thị Nhung	3823	5	16	10	10	47	190	195	385	
30	380345	Nguyễn Thị Thùy Dương	3803	3	15	13	14	42	215	165	380	
31	381749	Vũ Thị Ngọc Lan	3817	6	18	9	18	35	255	120	375	
32	380144	Trần Thị Phương Thảo	3801	5	16	11	10	41	195	160	355	
33	380235	Trần Hải Ninh	3802	7	15	15	15	31	260	95	355	
34	381240	Nguyễn Thu Thảo	3812	6	10	13	8	43	170	170	340	
35	380708	Hoàng Thị Trinh	3807	8	19	11	10	31	240	95	335	
36	381040	Trần Minh Phương	3810	5	17	11	7	38	185	140	325	
37	382763	Nguyễn Thuỳ Linh	3827	4	16	16	12	27	240	70	310	
38	382065	Lê Ngọc Tú	3820	5	7	12	9	41	145	160	305	
39	380230	Tạ Thị Nhung	3802	6	16	8	14	27	210	70	280	
40	382760	Đỗ Thu Hằng	3827	7	17		13	28	170	80	250	
41	381341	Nguyễn Tuấn Cường	3813	6	11	13	7	23	170	45	215	
42	381122	Phan Thị Ngọc Anh	3811	7	10	14	11	16	195	10	205	
43	380540	Vũ Hà My	3805	3	10	10	4	25	115	60	175	
44	380650	Nguyễn Minh Tâm	3806	3	6	10	5	25	95	60	155	
45	382618	Nguyễn Sơn	3826	7	12	8			115		115	
46	380634	Vũ Đức Thuận	3806									
47	381405	Lê Bảo Nam	3814									
48	392256	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	3922	10	25	27	24	73	475	355	830	10.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

24/09/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	391565	Đoàn Đắc Kiên	3915	10	26	28	20	72	465	350	815	10.0
50	392528	Ngô Thị Xuân	3925	10	23	25	22	75	440	365	805	10.0
51	390360	Phạm Minh Quỳnh Anh	3903	8	25	21	16	74	380	360	740	10.0
52	392548	Ong Thị Quyên	3925	9	13	19	22	79	330	390	720	10.0
53	390538	Vũ Thị Hà	3905	5	17	29	30	58	445	260	705	10.0
54	391633	Phan Thị Huệ	3916	8	22	15	21	72	350	350	700	10.0
55	391110	Nguyễn Thị Phương Thảo	3911	10	29	13	19	66	385	310	695	10.0
56	391455	Nguyễn Thị Hương Ly	3914	5	16	26	29	58	410	260	670	10.0
57	391735	Nông Bằng Giang	3917	7	23	23	24	56	420	250	670	10.0
58	391527	Phạm Thị Thanh Huyền	3915	9	22	10	25	66	350	310	660	10.0
59	390325	Nguyễn Thị Thường	3903	7	23	19	19	62	365	285	650	10.0
60	392542	Vũ Thị Minh Thu	3925	7	24	17	8	74	290	360	650	10.0
61	390466	Phạm Hương Thảo	3904	8	22	18	21	60	370	270	640	10.0
62	391148	Cao Hoàng Thùy Linh	3911	6	19	23	18	62	350	285	635	10.0
63	392853	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3928	8	23	14	15	67	315	320	635	10.0
64	390867	Bùi Huy Thành	3908	8	24	21	19	54	390	235	625	10.0
65	390827	Nguyễn Thị ánh Hồng	3908	6	21	22	16	55	345	240	585	10.0
66	391523	Phan Thị Duyên	3915	10	15	27	16	51	365	220	585	10.0
67	390862	Nguyễn Trần Hạnh Uyên	3908	7	16	15	10	68	240	325	565	9.5
68	391854	Phạm Thị Giang	3918	5	22	13	14	63	275	290	565	9.5
69	391757	Nguyễn Thuỳ Chi	3917	6	22	16	15	55	310	240	550	9.5
70	390342	Vũ Nguyễn Thanh Lương	3903	10	17	14	15	56	290	250	540	9.5
71	390656	Nguyễn Tuấn Anh	3906	8	18	16	18	51	315	220	535	9.5
72	391030	Thân Thị Hoa	3910	10	14	16	17	55	295	240	535	9.5
73	392538	Nguyễn Hương Lan	3925	7	18	13	12	62	250	285	535	9.5
74	392536	Trịnh Thu Hiền	3925	7	13	10	10	71	185	340	525	9.0
75	390852	Nguyễn Thị Hường	3908	6	22	14	18	48	315	200	515	9.0
76	391624	Cao Thị Hoài	3916	7	24	23	13	39	360	145	505	9.0
77	390828	Nguyễn Thị Mai Dung	3908	3	14	18	18	53	270	230	500	8.5
78	392808	Triệu Thị Diễm	3928	6	15	15	18	52	275	225	500	8.5
79	390254	Phạm Thị Huyền	3902	7	20	15	16	46	300	190	490	8.5
80	392370	Phạm Ngọc ánh	3923	6	13	14	13	56	220	250	470	8.0
81	392609	Ngô Thị Hiền	3926	4	16	15	19	47	275	195	470	8.0
82	390457	Phan Thuỳ Linh	3904	5	15	16	13	48	245	200	445	
83	392049	Lê Thị ánh	3920	5	16	13	16	46	250	190	440	
84	392170	Vũ Ngọc ánh	3921	8	13	14	21	40	290	150	440	
85	390427	Lưu Thị Minh Trang	3904	8	13	12	11	51	210	220	430	
86	390757	Lê Thị Oanh	3907	7	19	16	13	40	280	150	430	
87	391107	Vương Thanh Hằng	3911	9	18	15	2	51	210	220	430	
88	392744	Trương Ngọc Hoa	3927	5	5	14	12	59	165	265	430	
89	392856	Nguyễn Thị Hải	3928	2	14	18	14	46	240	190	430	
90	391969	Nguyễn Thị Bảo Yến	3919	4	16	13	11	50	210	215	425	
91	390245	Đặng Thị Thu Trang	3902	3	10	9	13	57	160	255	415	
92	390102	Đỗ Thị Hương Giang	3901	5	15	16	12	43	240	170	410	
93	392132	Trần Phương Hà	3921	5	8	9	13	56	160	250	410	
94	391852	Nguyễn Thị Thanh Nga	3918	6	11	13	14	46	210	190	400	
95	392123	Lã Ngọc Nam	3921	7	16	14	12	39	245	145	390	
96	392260	Nguyễn Đức Trung	3922	7	18	13	16	34	275	115	390	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

24/09/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	391305	Hoàng Trung Tiến	3913	7	16	15	12	36	250	125	375	
98	390354	Nguyễn Thu Quỳnh	3903	6	18	8	13	38	215	140	355	
99	390319	Vũ Thị Quế	3903	6	14	7	12	43	180	170	350	
100	391662	Trần Thế Trung	3916	3	12	6	16	45	170	180	350	
101	390834	Nguyễn Thị Giang	3908	2	18	12	11	39	200	145	345	
102	392530	Phạm Thị Trinh	3925	7	17	13	10	33	230	110	340	
103	390320	Hoàng Thị Hạnh	3903	4	15	9	14	38	195	140	335	
104	390359	Phạm Thảo Linh	3903	5	16	9	13	35	200	120	320	
105	390408	Giáp Thị Nguyên	3904	2	12	10	8	45	140	180	320	
106	390352	Trịnh Quỳnh Trang	3903	6	18	12	11	29	230	85	315	
107	391105	Lê Thị Hậu	3911	6	15	15	10	29	220	85	305	
108	390401	Nguyễn Thị Thu Nhân	3904	4	10	10	14	35	175	120	295	
109	390843	Nguyễn Thị Thu Dung	3908	9	13	19	3	29	210	85	295	
110	390402	Lê Thị Thu Mai	3904	8	11	16	6	31	190	95	285	
111	390315	Nguyễn Phương Linh	3903	4	14	9	8	35	160	120	280	
112	390433	Nguyễn Duy Khánh	3904	2	25	12	12	15	255	5	260	
113	391055	Nguyễn Phương Thảo	3910	6	11	9	13	26	180	65	245	
114	390212	Phạm Huy Tuấn	3902	4	12	7	5	31	120	95	215	
115	390263	Nguyễn Trọng Khôi	3902	8	22	11		1	190	5	195	
116	393104	Trần Thị Minh Giang	3931	1	11	5	6	32	90	100	190	
117	390430	Phạm Thị Tố Linh	3904	5	11	6	6	26	120	65	185	
118	390363	Nguyễn Ngọc Sơn	3903									
119	390410	Nguyễn Thị Minh Thu	3904									
120	391755	Lê Xuân Trung	3917									
121	402326	Đỗ Thị Thanh Hằng	4023	10	23	25	22	84	440	415	855	10.0
122	403024	Trần Đức Hiếu	4030A	8	28	26	22	74	465	360	825	10.0
123	401918	Nguyễn Đào Phương Linh	4019	7	29	24	21	76	445	370	815	10.0
124	401915	Phan Thị Minh	4019	6	22	26	18	71	390	340	730	10.0
125	401742	Đỗ Ngọc Anh	4017	9	23	19	24	63	405	290	695	10.0
126	403031	Đỗ Huy Khôi	4030A	10	18	24	14	66	350	310	660	10.0
127	400545	Vũ Thị Trà My	4005	8	23	23	15	58	370	260	630	10.0
128	400674	Trần Văn Ba	4006	9	17	20	19	54	345	235	580	10.0
129	402629	Lương Hoài Vy	4026	2	16	18	15	63	255	290	545	9.5
130	401822	Phạm Thị Việt Hà	4018	9	26	21	13	14	370	5	375	
131	400118	Chu Thị Ngọc Anh	4001	3	15	13	9	41	185	160	345	
132	400110	Long Thị Hồng	4001	5	7	7	14	28	145	80	225	

Hà Nội, Ngày tháng năm 2017

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU